

Số: 925 /2026/BC-SHS

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Quý Sở **Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS -Tháng 8/2026** như sau:

1. **Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HSX tháng 8/2026:**

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA	NHA	ANT	AAA
2	ACB		GEL	ACB
3	ACG		GHC	ACG
4	ACL		HPA	ACL
5	ADS			ADS
6	AFX			AFX
7	AGG			AGG
8	AGR			AGR
9	ANV			ANT
10	ASM			ANV
11	AST			ASM
12	BAF			AST
13	BCM			BAF
14	BFC			BCM
15	BHN			BFC
16	BIC			BHN
17	BID			BIC
18	BKG			BID
19	BMP			BKG
20	BRC			BMP
21	BSI			BRC
22	BSR			BSI
23	BTP			BSR
24	BVH			BTP
25	BWE			BVH
26	CDC			BWE

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
27	CHP			CDC
28	CII			CHP
29	CKG			CII
30	CLC			CKG
31	CLL			CLC
32	CMG			CLL
33	CNG			CMG
34	CRC			CNG
35	CRE			CRC
36	CSM			CRE
37	CSV			CSM
38	CTD			CSV
39	CTF			CTD
40	CTG			CTF
41	CTI			CTG
42	CTR			CTI
43	CTS			CTR
44	CVT			CTS
45	D2D			CVT
46	DBC			D2D
47	DBD			DBC
48	DC4			DBD
49	DCL			DC4
50	DCM			DCL
51	DGW			DCM
52	DHA			DGW
53	DHC			DHA
54	DHG			DHC
55	DIG			DHG
56	DMC			DIG
57	DPG			DMC
58	DPM			DPG
59	DPR			DPM
60	DRC			DPR
61	DRL			DRC
62	DSE			DRL
63	DSN			DSE
64	DVP			DSN
65	DXG			DVP
66	DXS			DXG
67	EIB			DXS
68	ELC			EIB
69	EVF			ELC
70	EVG			EVF
71	FCN			EVG
72	FIR			FCN

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
73	FIT			FIR
74	FMC			FIT
75	FPT			FMC
76	FRT			FPT
77	FTS			FRT
78	GAS			FTS
79	GEE			GAS
80	GEG			GEE
81	GEX			GEG
82	GIL			GEL
83	GMD			GEX
84	GSP			GHC
85	GVR			GIL
86	HAG			GMD
87	HAH			GSP
88	HAR			GVR
89	HAX			HAG
90	HCM			HAH
91	HDB			HAR
92	HDC			HAX
93	HDG			HCM
94	HHP			HDB
95	HHS			HDC
96	HHV			HDG
97	HII			HHP
98	HMC			HHS
99	HPG			HHV
100	HPX			HII
101	HQC			HMC
102	HSG			HPA
103	HSL			HPG
104	HT1			HPX
105	HTG			HQC
106	HTI			HSG
107	HTN			HSL
108	HUB			HT1
109	HVH			HTG
110	IDI			HTI
111	IJC			HTN
112	ILB			HUB
113	IMP			HVH
114	ITC			IDI
115	KBC			IJC
116	KDC			ILB
117	KDH			IMP
118	KHG			ITC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
119	KHP			KBC
120	KLB			KDC
121	KOS			KDH
122	KSB			KHG
123	LBM			KHP
124	LCG			KLB
125	LHG			KOS
126	LIX			KSB
127	LPB			LBM
128	LSS			LCG
129	MBB			LHG
130	MCH			LIX
131	MCM			LPB
132	MHC			LSS
133	MIG			MBB
134	MSB			MCH
135	MSH			MCM
136	MSN			MHC
137	MWG			MIG
138	NAB			MSB
139	NAF			MSH
140	NBB			MSN
141	NCT			MWG
142	NHA			NAB
143	NHH			NAF
144	NKG			NBB
145	NLG			NCT
146	NNC			NHH
147	NT2			NKG
148	NTC			NLG
149	NTL			NNC
150	NVL			NT2
151	OCB			NTC
152	OPC			NTL
153	ORS			NVL
154	PAC			OCB
155	PAN			OPC
156	PC1			ORS
157	PDN			PAC
158	PDR			PAN
159	PET			PC1
160	PGC			PDN
161	PGD			PDR
162	PGI			PET
163	PHC			PGC
164	PHR			PGD

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bỏ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
165	PLP			PGI
166	PLX			PHC
167	PNJ			PHR
168	POW			PLP
169	PPC			PLX
170	PTB			PNJ
171	PTC			POW
172	PVD			PPC
173	PVP			PTB
174	PVT			PTC
175	QCG			PVD
176	RAL			PVP
177	REE			PVT
178	RYG			QCG
179	SAB			RAL
180	SAM			REE
181	SBA			RYG
182	SBT			SAB
183	SCR			SAM
184	SCS			SBA
185	SGN			SBT
186	SGR			SCR
187	SHB			SCS
188	SHI			SGN
189	SHP			SGR
190	SIP			SHB
191	SJD			SHI
192	SJS			SHP
193	SKG			SIP
194	SMB			SJD
195	SRC			SJS
196	SSB			SKG
197	SSI			SMB
198	STB			SRC
199	STK			SSB
200	SZC			SSI
201	SZL			STB
202	TAL			STK
203	TBC			SZC
204	TCB			SZL
205	TCH			TAL
206	TCI			TBC
207	TCL			TCB
208	TCM			TCH
209	TCO			TCI
210	TCT			TCL

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
211	TCX			TCM
212	TDC			TCO
213	TDM			TCT
214	TDP			TCX
215	TEG			TDC
216	THG			TDM
217	TIP			TDP
218	TLD			TEG
219	TLG			THG
220	TMP			TIP
221	TMS			TLD
222	TN1			TLG
223	TNT			TMP
224	TPB			TMS
225	TRA			TN1
226	TRC			TNT
227	TTA			TPB
228	TV2			TRA
229	TVB			TRC
230	TVS			TTA
231	VAB			TV2
232	VCB			TVB
233	VCG			TVS
234	VCI			VAB
235	VCK			VCB
236	VDP			VCG
237	VDS			VCI
238	VFG			VCK
239	VGC			VDP
240	VHC			VDS
241	VHM			VFG
242	VIB			VGC
243	VIC			VHC
244	VIP			VHM
245	VIX			VIB
246	VJC			VIC
247	VND			VIP
248	VNL			VIX
249	VNM			VJC
250	VOS			VND
251	VPB			VNL
252	VPI			VNM
253	VPL			VOS
254	VPX			VPB
255	VRC			VPI
256	VRE			VPL

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
257	VSC			VPX
258	VSH			VRC
259	VTB			VRE
260	VTO			VSC
261	VTP			VSH
262	VVS			VTB
263	YEG			VTO
264				VTP
265				VVS
266				YEG

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HNX tháng 8/2026:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	BAB			BAB
2	BAX			BAX
3	BCF			BCF
4	BVS			BVS
5	C69			C69
6	CAP			CAP
7	CDN			CDN
8	CEO			CEO
9	CLH			CLH
10	CSC			CSC
11	CST			CST
12	CTB			CTB
13	DNP			DNP
14	DP3			DP3
15	DTD			DTD
16	DXP			DXP
17	EVS			EVS
18	GIC			GIC
19	GMX			GMX
20	HJS			HJS
21	HMR			HMR
22	HUT			HUT
23	HVT			HVT
24	IDC			IDC
25	IDV			IDV
26	INN			INN
27	IPA			IPA

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
28	KSF			KSF
29	KSV			KSV
30	L18			L18
31	L40			L40
32	LAS			LAS
33	LHC			LHC
34	LIG			LIG
35	MAC			MAC
36	MBG			MBG
37	MBS			MBS
38	MDC			MDC
39	MST			MST
40	MVB			MVB
41	NAG			NAG
42	NBC			NBC
43	NDN			NDN
44	NET			NET
45	NFC			NFC
46	NTH			NTH
47	NTP			NTP
48	PBP			PBP
49	PCE			PCE
50	PCH			PCH
51	PGS			PGS
52	PLC			PLC
53	PMC			PMC
54	PPT			PPT
55	PSD			PSD
56	PSI			PSI
57	PSW			PSW
58	PVB			PVB
59	PVC			PVC
60	PVG			PVG
61	PVI			PVI
62	PVS			PVS
63	S99			S99
64	SCG			SCG
65	SGC			SGC
66	SJE			SJE
67	SLS			SLS
68	SZB			SZB
69	TA9			TA9
70	TD6			TD6
71	TDT			TDT
72	TFC			TFC
73	TIG			TIG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
74	TMB			TMB
75	TNG			TNG
76	TPP			TPP
77	TTT			TTT
78	TV4			TV4
79	TVC			TVC
80	TVD			TVD
81	VBC			VBC
82	VC3			VC3
83	VC7			VC7
84	VCS			VCS
85	VFS			VFS
86	VGS			VGS
87	VHE			VHE
88	VNF			VNF
89	VNR			VNR
90	VTZ			VTZ
91	WCS			WCS

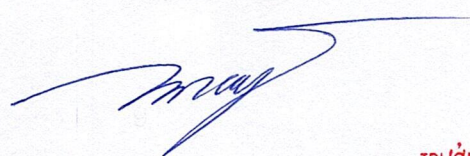
Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 8/2026 là:

<https://www.shs.com.vn/thong-bao/shs-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-82026>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Trân trọng kính báo cáo Quý Sở được biết.

Người lập



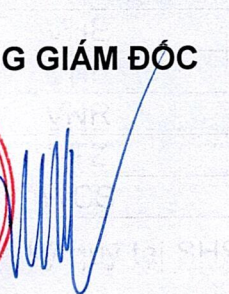
Trần Hồng Mây

Kiểm soát



TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ TÀI CHÍNH
Đào Chi Hằng

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT VẬN HÀNH VÀ DỊCH VỤ KH
Lê Chi Hoài Thu